

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỖ
DẤU

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành trình Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	2.389.381	59,73%
2	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (thành lập lại từ Công ty thuộc lá Bến Thành)	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1.000.000	25,00%
3	Ông Phạm Ngọc Dũng	322 Lô 9 cư xá Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.	526.873	13,17%
4	Và 135 cổ đông khác		83.746	2,09%
	Tổng		4.000.000	100,00

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- **Vốn điều lệ :** 40.000.000.000 VND
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : (84-08) 3 790 7619
 - Fax : (84-08) 3 790 7461
 - Mã số thuế : 0301150295
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bán, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lưu hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
- Ông Nguyễn Bán	Thành viên
- Ông Phạm Văn Thành	Thành viên
- Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên
- Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 25).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

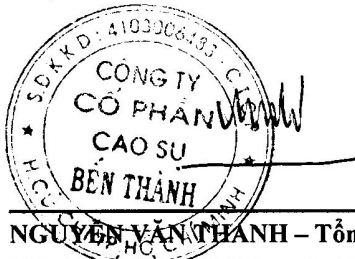
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2009

Số: 1720/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2009, từ trang 07 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Do công việc Kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc niên độ Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như không có điều kiện áp dụng các phương pháp thay thế khác, vì vậy, số liệu các chỉ tiêu trên được xác định theo số liệu sổ sách do đơn vị cung cấp.

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến các khoản sau:

- | | |
|---|-------------------|
| - Hàng gửi đi bán (xem thuyết minh số VI.5) | 2.743.741.466 VND |
| - Phải trả người bán (xem thuyết minh số VI.14) | 2.392.683.414 VND |

Đồng thời Chúng tôi cũng không nhận được các tài liệu liên quan đến nguyên giá của công trình Nhà máy sản xuất băng tải và dây courroie đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng là 11.347.986.300 VND, do Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương Mại làm thầu xây dựng nhưng cho đến ngày lập Báo cáo này, phần lớn công trình vẫn chưa được phía nhà thầu phát hành hóa đơn cho Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên (nếu có) và ngoại trừ các vấn đề sau:

- Phương pháp tính khấu hao của Công ty do kéo dài thêm thời gian sử dụng của tài sản cố định làm cho khấu hao tài sản cố định giảm một khoản với số tiền là 2.709.567.840 VND, điều đó dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tăng lên một khoản lợi nhuận tương ứng.
- Công ty chưa tính khoản lãi tiền gửi kỳ hạn ba tháng của ngân hàng Kỹ Thương với số tiền là 769.408.659 VND sẽ đáo hạn ngày 11 tháng 01 năm 2009 vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo.)

có thể ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2009



VÕ THẾ HOANG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.103.383.389	32.584.651.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	47.272.494.411	4.420.948.383
1. Tiền	111		3.053.605.983	4.420.948.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.218.888.428	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		8.416.850.499	17.766.132.243
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.2	8.266.325.565	5.475.048.180
2. Trả trước cho người bán	132		-	10.335.493.000
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.3	631.610.912	1.963.616.063
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.4	(481.085.978)	(8.025.000)
IV. Hàng tồn kho	140		22.933.245.487	9.758.703.083
Hàng tồn kho	141	VI.5	22.933.245.487	9.758.703.083
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		480.792.992	638.867.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	17.862.268	22.304.158
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		165.756.759	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		17.066.667	17.066.667
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	280.107.298	599.496.775
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.303.863.657	37.925.814.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.719.658.492	35.799.883.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	35.436.771.180	34.345.767.477
- Nguyên giá	222		67.252.244.415	63.872.818.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.815.473.235)	(29.527.051.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	4.472.042	5.048.576
- Nguyên giá	228		11.219.048	11.219.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.747.006)	(6.170.472)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	4.278.415.270	1.449.067.309
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		364.327.766	396.197.720
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.11	364.327.766	396.197.720
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.219.877.399	1.729.733.233
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	2.219.877.399	1.729.733.233
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.407.247.046	70.510.465.624

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

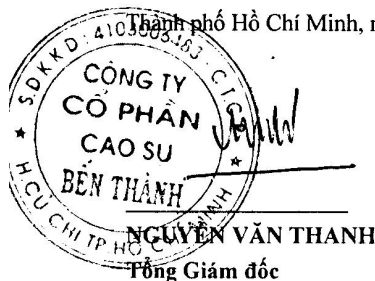
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.579.230.492	33.563.800.769
I. Nợ ngắn hạn	310		16.261.230.492	33.245.800.769
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	4.000.000.000	12.528.028.661
2. Phải trả cho người bán	312	VI.14	3.436.763.038	3.683.263.736
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	110.825.856	10.159.028.200
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.16	152.272.850	293.424.290
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.17	898.299.873	(138.308.535)
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	1.146.158.289	729.171.275
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.19	6.242.598.936	5.991.193.142
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	VI.20	274.311.650	-
II. Nợ dài hạn	330		318.000.000	318.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	VI.21	318.000.000	318.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.828.016.554	36.946.664.855
I. Nguồn vốn, quỹ	410	VI.22	105.766.429.726	37.807.233.117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.640.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.767.739.258	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		283.308.695	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.924.618.227)	(2.192.766.883)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420	VI.22b	(938.413.172)	(860.568.262)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		(938.413.172)	(860.568.262)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		121.407.247.046	70.510.465.624

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)		21.572,33	116.239,20

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2009



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

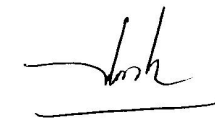
Năm 2008

(Có so sánh số liệu năm 2007)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.23	50.643.163.942	39.773.149.920
2. Các khoản giảm trừ	03		149.981.892	63.336.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.23	50.493.182.050	39.709.813.920
4. Giá vốn hàng bán	11		38.600.092.147	32.726.680.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.893.089.903	6.983.133.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	7.191.157.662	1.576.416.401
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	563.854.500	658.451.013
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		329.646.753	442.253.581
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	5.999.657.378	2.651.880.237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	4.777.808.178	1.481.616.004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.742.927.509	3.767.602.852
11. Thu nhập khác	31		66.519.093	9.890.133
12. Chi phí khác	32		13.848.675	43.714
13. Lợi nhuận khác	40		52.670.418	9.846.419
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		7.795.597.927	3.777.449.271
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		7.795.597.927	3.777.449.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.176,69	944,36

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2009


NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc


LƯU THỊ TỐ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐOÀI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

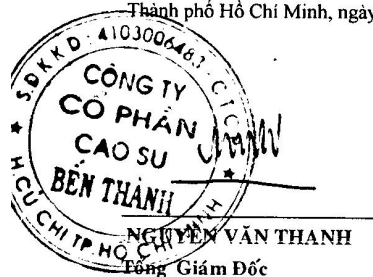
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>7.795.597.927</i>	<i>3.777.449.271</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.288.998.286	1.304.695.677
- Các khoản dự phòng	03		747.372.628	8.025.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(20.162.638)	-
- Chi phí lãi vay	06		329.646.753	442.253.581
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>11.141.452.956</i>	<i>5.532.423.529</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.946.464.521	(11.242.915.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.174.542.404)	(2.707.120.692)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.129.811.266)	15.666.247.231
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(485.702.276)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(329.646.753)	224.649.802
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(332.158.023)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		59.481.055	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(580.338.320)	(154.424.028)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(3.552.642.487)</i>	<i>6.986.701.987</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.208.773.416)	(1.576.588.913)
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.217.064)	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		34.087.018	25.341.731
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(6.176.903.462)</i>	<i>(1.551.247.182)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		65.640.000.000	40.000.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	9.664.556.768
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.231.182.664	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.759.211.325)	(19.289.390.942)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.551.042.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>52.560.929.339</i>	<i>(9.584.834.174)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		42.831.383.390	(4.149.379.369)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.420.948.383	8.570.327.752
Ảnh hưởng của thay đổi chênh lệch tỷ giá	61		20.162.638	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	47.272.494.411	4.420.948.383

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2009



(Signature)

LƯU THỊ TỎ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất băng tải, dây courroie, dây truyền, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 05 năm 2007 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là năm tài chính thứ hai của Công ty Cổ phần.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2007 là: 16.114 VND/USD
Ngày 31/12/2008 là: 16.977 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ.

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Công ty đăng ký thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 05 tháng 07 năm 2007.

Năm 2008 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế.

7. Tài sản cố định và Khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng, bằng giá trị xác định lại khi xác định giá trị doanh nghiệp chia cho thời gian hữu dụng ước tính của đơn vị.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được khấu trong 10 năm.

9. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất là 12 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

VI. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền	3.060.605.983	4.420.948.383
(a) Tiền mặt	360.867.155	82.288.539
Tiền mặt VND	360.867.155	82.288.539
(b) Tiền gửi ngân hàng	2.692.738.828	4.338.659.844
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Củ Chi	1.204.450.749	1.932.746.810
- Tiền VND	1.202.476.324	1.932.746.810
- Tiền USD quy đổi sang VND	1.974.425	-
Ngân hàng Kỹ Thương	376.926.000	-
- Tiền VND	21.325.079	-
- Tiền USD quy đổi sang VND	355.600.921	-
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển - Sở giao dịch II	9.929.801	1.923.767.815
- Tiền VND	1.271.701	50.689.346
- Tiền USD quy đổi sang VND	8.658.100	1.873.078.469
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Quận 11	1.065.699.160	436.216.514
- Tiền VND	1.065.699.160	436.216.514
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn	28.733.118	27.296.318

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền VND	28.733.118	27.296.318
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	-	18.632.387
- Tiền VND	-	18.632.387
(c) Tiền đang chuyển	7.000.000	-
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Củ Chi	7.000.000	-
- Tiền VND	7.000.000	-
2. Các khoản tương đương tiền	44.218.888.428	-
Tiền VND gửi ngân hàng Kỹ Thương	44.218.888.428	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>47.272.494.411</u>	<u>4.420.948.383</u>
2. Phải thu khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	120.562.534	262.442.615
- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Long An	342.483.952	306.334.000
- Globetech Manufacturing INC	842.059.200	538.687.797
- Công ty tuyển than Hòn gai	231.221.590	172.721.400
- Công ty than Khe Chàm	235.880.000	524.631.900
- Công ty than Vàng Danh	-	1.216.534.000
- Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả	304.186.000	-
- Công ty xi măng Hoàng Mai	371.250.000	-
- Công ty xây dựng và xi măng Quảng Ninh	744.375.500	90.860.000
- Công ty Cosevco Sông Ganh	158.889.500	-
- Công ty xi măng Chinfon Hải Phòng	645.342.500	40.920.000
- Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn	329.120.000	-
- Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ	248.875.000	-
- Công ty Luks xi măng Thiên Thiên Huế	366.300.000	146.674.000
- Khách hàng khác	3.325.779.789	2.175.242.468
Cộng	<u>8.266.325.565</u>	<u>5.475.048.180</u>
3. Khoản phải thu khác		
- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	4.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Cao Su 30-4	250.199.837	1.471.137.988
- Phải thu về cổ phần hóa	365.886.075	365.886.075
- Văn phòng luật sư Hoàn Kiếm	8.025.000	8.025.000
- Phải thu khác	3.500.000	78.567.000
Cộng	<u>631.610.912</u>	<u>1.963.616.063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

4. Dự phòng phải thu khó đòi

- Công ty TNHH 1.5	70.000.470	-
- Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	60.281.267	-
- Công ty TNHH Gia Thịnh	342.779.241	-
- Văn phòng luật sư Hoàn Kiếm	8.025.000	8.025.000
Cộng	481.085.978	8.025.000

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu	14.182.351.011	6.610.730.214
- Công cụ, dụng cụ	73.862.379	31.972.520
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.646.971.757	477.876.171
- Thành phẩm	4.286.318.874	1.800.655.560
- Hàng gửi đi bán (*)	2.743.741.466	837.468.618
Cộng	22.933.245.487	9.758.703.083

(*) Chưa nhận được xác nhận.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- Công cụ, dụng cụ	16.496.998	106.049.333	109.966.613	12.579.718
- Chi phí dịch vụ	5.807.160	157.692.610	158.217.220	5.282.550
Cộng	22.304.158	263.741.943	268.183.833	17.862.268

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	218.492.000	547.050.000
- Trần Minh Danh	40.000.000	18.000.000
- Trần Ngọc Tân	120.000.000	120.000.000
- Hồ Chánh Trực	30.800.000	18.000.000
- Cá nhân khác	27.692.000	391.050.000
Ký quỹ ký cược	59.415.250	52.446.775
- Ký quỹ ngân hàng Công Thương	59.415.250	52.446.775
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.200.048	
Cộng	280.107.298	599.496.775

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

8. Tài sản cố định hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	12.599.168.570	48.099.861.733	2.922.831.691	250.956.966	63.872.818.960
2. Tăng trong năm	-	1.699.047.535	1.615.377.920	65.000.000	3.379.425.455
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	12.599.168.570	49.798.909.268	4.538.209.611	315.956.966	67.252.244.415
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	4.056.379.818	23.976.978.565	1.445.961.791	47.731.309	29.527.051.483
2. Tăng trong năm	358.940.243	1.640.201.648	243.237.229	46.042.632	2.288.421.752
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	4.415.320.061	25.617.180.213	1.689.199.020	93.773.941	31.815.473.235
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	8.542.788.752	24.122.883.168	1.476.869.900	203.225.657	34.345.767.477
4. Số cuối năm	8.183.848.509	24.181.729.055	2.849.010.591	222.183.025	35.436.771.180

9. Tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị nhân hiệu</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	11.219.048	11.219.048
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	11.219.048	11.219.048
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu năm	6.170.472	6.170.472
2. Tăng trong năm	576.534	576.534
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	6.747.006	6.747.006
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu năm	5.048.576	5.048.576
2. Số cuối năm	4.472.042	4.472.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Hạng mục	Số đầu năm	Đầu tư trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
- Hệ thống chống ngập	163.021.049	-	163.021.049	-
- Máy lưu hóa tấm chắn bùn	228.183.820	153.423.135	381.606.955	-
- Máy ép cao su thủy lực	716.864.400	-	-	716.864.400
- Máy luyện kín 75L	174.998.040	415.824.750	590.822.790	-
- Sửa chữa văn phòng nhà xưởng	166.000.000	392.233.100	558.233.100	-
- Máy ép chân không	-	783.108.200	-	783.108.200
- Máy ép đế giày	-	1.407.485.600	-	1.407.485.600
- Hệ thống điện nước	-	321.617.070	-	321.617.070
- Xe Inova	-	575.432.000	575.432.000	-
- Lò hơi	-	681.887.054	681.887.054	-
- Máy cán 2 trục	-	288.750.000	-	288.750.000
- Máy ép thủy lực TQ	-	760.590.000	-	760.590.000
- Công trình trạm điện	-	465.871.818	465.871.818	-
Cộng	1.449.067.309	6.246.222.727	3.416.874.766	4.278.415.270

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Góp vốn liên doanh vào Nông trường 30 - 4	692.013.699	689.796.636
- Khấu hao vườn cao su	(327.685.933)	(293.598.916)
Cộng	364.327.766	396.197.720

Đây là khoản liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cao su 30 - 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh. Theo hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HĐLKKT ngày 25 tháng 07 năm 1993 Với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

Địa chỉ : xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong năm 2008, Công ty nhận được lãi từ hoạt động liên kết là 1.162.680.868 VND.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	60.211.011	-	38.028.012	22.182.999
- Công cụ, dụng cụ	251.714.122	1.094.045.936	444.347.358	901.412.700
- Tiền thuê đất	1.417.808.100	-	121.526.400	1.296.281.700
Cộng	1.729.733.233	1.094.045.936	603.901.770	2.219.877.399

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

13. Vay và nợ ngắn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>	7.528.028.661	6.231.182.664	13.759.211.325	-
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam	7.528.028.661	246.182.664	7.774.211.325	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Củ Chi	-	5.985.000.000	5.985.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	5.000.000.000	-	1.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	12.528.028.661	6.231.182.664	14.759.211.325	4.000.000.000

(*) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả từ Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ủy thác số 149/2002/HĐTD-UT/QĐT ngày 06 tháng 09 năm 2002.

Lãi suất : 0%

Phí ủy thác: 0,07%/tháng

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ưu tiên trả nợ gốc cho Quỹ đầu tư.

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Bảo Tượng (*)	315.990.707	651.346.207
- Công ty TNHH một thành viên cao su (*)	671.749.700	541.853.000
- Cơ sở chế biến cao su thiên nhiên	81.375.000	175.644.000
- Công ty TNHH VT - XD Vĩ Phong	-	260.053.200
- Công ty VLXD Xây Lắp Thương Mại	1.290.073.813	1.290.073.813
- Công ty TNHH TM - DV Mai Thiên Phát	220.500.000	-
- Công ty khác (*)	857.073.818	764.293.516
Cộng	3.436.763.038	3.683.263.736

(*) Đã nhận được thư xác nhận 1.031.220.424 VND.

15. Người mua trả trước

- Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Long	-	10.126.620.000
- Công ty TNHH thức ăn gia súc Lái Thiêu	-	32.408.200
- Nitor Projects (ASIA) PTE LTD	110.825.856	-
Cộng	110.825.856	10.159.028.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT		Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	293.424.290	3.037.763.848	3.178.915.288	152.272.850
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	99.340.379	1.161.355.305	1.260.695.684	-
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	40.074.884	1.239.039.220	1.279.114.104	-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	19.083.278	287.461.153	306.544.431	-
4.	Tiền thuế đất	94.546.800	-	-	94.546.800
5.	Các loại thuế khác	40.378.949	349.908.170	332.561.069	57.726.050
	- Thuế thu nhập cá nhân	40.378.949	346.908.170	329.561.069	57.726.050
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	293.424.290	3.037.763.848	3.178.915.288	152.272.850

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng
 - + Doanh thu xuất khẩu : 0%
 - + Doanh thu bán cao su nguyên liệu : 5%
 - + Doanh thu bán thành phẩm : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.5)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động tháng 12. **898.299.873**

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ Đầu tư Phát Triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh	750.019.063	710.263.730
- Hoa hồng bán hàng	396.139.226	18.907.545
Cộng	1.146.158.289	729.171.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

19. Phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	17.482.336	43.939.542
- Phải trả về cổ phần hóa	420.125.000	456.125.000
- Cổ tức phải trả	398.958.000	-
- Công ty TNHH Hồng Mã Nghi	120.000.000	120.000.000
- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Phan Thành Danh	-	98.000.000
- Trần Ngọc Tân	120.000.000	120.000.000
- Phải trả khác	166.033.600	153.128.600
Cộng	6.242.598.936	5.991.193.142

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

274.311.650

Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm.

21. Phải trả dài hạn

318.000.000

Ông Phạm Viết Huỳnh ký quỹ thuê văn phòng.

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu và các quỹ

Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Vốn cổ phần	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	(5.970.216.154)	3.777.449.271	-	(2.192.766.883)
Các quỹ	(860.568.262)	-	-	(860.568.262)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(860.568.262)	-	-	(860.568.262)
TỔNG CỘNG	33.169.215.584	3.777.449.271	-	36.946.664.855
Năm nay				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	65.640.000.000	-	105.640.000.000
Vốn cổ phần	40.000.000.000	35.000.000.000	-	75.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	30.640.000.000	-	30.640.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(2.192.766.883)	7.795.597.927	7.527.449.271	(1.924.618.227)
Các quỹ	(860.568.262)	2.577.449.271	604.246.228	1.112.634.781
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.767.739.258	-	1.767.739.258
Quỹ dự phòng tài chính	-	283.308.695	-	283.308.695
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(860.568.262)	526.401.318	604.246.228	(938.413.172)
TỔNG CỘNG	36.946.664.855	76.013.047.198	8.131.695.499	104.828.016.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn nhà nước	16.019.150.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	6.322.470.000	-
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	21.000.000.000	-
Tập đoàn cao su Công Nghiệp Việt Nam	24.458.380.000	23.893.810.000
Các cổ đông khác	<u>7.200.000.000</u>	<u>6.106.190.000</u>
Cộng	<u>75.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận.

Phân phối lợi nhuận trong năm 2008

+ Quỹ đầu tư phát triển	1.767.739.258
+ Quỹ dự phòng tài chính	283.308.695
+ Quỹ khen thưởng và phúc lợi	526.401.318
+ Chia cổ tức	1.200.000.000
+ Tạm ứng cổ tức năm 2008	<u>3.750.000.000</u>

Cộng **7.527.449.271**

Theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2008 tạm ứng cổ tức năm 2008 là 5% trên vốn Điều lệ cho tất cả cổ đông.

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.500.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán nay Công ty đang tiến hành các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ.

23. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng nội địa	45.275.787.276	34.208.785.690
- Doanh thu bán hàng xuất khẩu	4.419.831.213	5.334.364.228
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	947.545.453	230.000.002
- Các khoản giảm trừ	149.981.892	63.336.000
- Hàng bán bị trả lại	149.981.892	-
- Giảm giá hàng bán	-	63.336.000
Doanh thu thuần	<u>50.493.182.050</u>	<u>39.709.813.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.977.404.209	52.028.961
- Lãi chênh lệch tỷ giá	51.072.585	5.728.192
- Lãi liên doanh	1.162.680.868	1.518.659.248
Cộng	7.191.157.662	1.576.416.401

25. Chi phí tài chính

- Lãi vay	329.646.753	442.253.581
- Chi phí ủy thác	39.755.333	86.161.805
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.912.157	96.934.187
- Chi phí tài chính khác	161.540.257	33.101.440
Cộng	563.854.500	658.451.013

26. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	1.078.837.180	421.001.272
- Chi phí vật liệu bao bì	164.901.591	102.064.043
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.832.174	3.997.904
- Chi phí khấu hao TSCĐ	23.498.769	10.129.064
- Chi phí bảo hành	397.869.767	16.379.684
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.187.791.904	2.030.311.722
- Chi phí bằng tiền khác	132.259.505	24.317.298
- Chi phí chào hàng mẫu	1.666.488	43.679.250
Cộng	5.999.657.378	2.651.880.237

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	2.048.477.767	666.337.588
- Chi phí đồ dùng văn phòng	27.181.704	28.110.454
- Chi phí khấu hao	209.106.966	115.022.368
- Chi phí lập dự phòng	473.060.978	8.025.000
- Thuế, phí, lệ phí	6.903.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.273.948.924	356.846.868
- Chi phí bằng tiền khác	739.128.839	307.273.726
Cộng	4.777.808.178	1.481.616.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm lấy theo số liệu kiểm toán của Công ty Tư Vấn và Kiểm Toán CA&A..

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ	Trả tiền mua cổ phần	7.876.000.000
Cộng			7.876.000.000

Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 chi tiết như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền phải tu (phải trả)
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ		5.000.000.000
Cộng			(5.000.000.000)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	65,16	46,21
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	34,84	53,79
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	13,66	47,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	86,34	52,40
Khả năng thanh toán			
Khả.năng thanh toán hiện hành	Lần	7,32	2,10
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,86	0,98
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,91	0,13
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	15,44	9,51
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	15,44	9,51

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

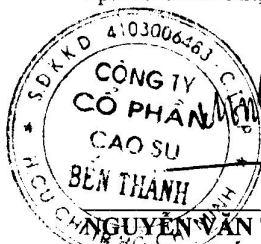
Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,42	5,36
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,42	5,36

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2009.



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám Đốc

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Lưu Thị Tô Nhu'.

LƯU THỊ TÔ NHƯ
Kế Toán Trưởng